

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS - ST
Ngày: 16/09/2024.
Về việc: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST – DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/ 2024/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn K** – sinh năm 1974 và chị **Mai Thị H** – sinh năm 1975; có mặt.

Nơi ĐKKHKT: **Xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.**

Địa chỉ: **Xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.**

Bị đơn: Anh **Đỗ Quý B** – sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Xóm I, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình;** vắng mặt.

Anh **B** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** cùng thống nhất trình bày: Vợ chồng anh **K**, chị **H1** có quan hệ anh em họ hàng với anh **Đỗ Quý B**. Do anh **B** có nhu cầu vay vốn để làm ăn kinh tế thì vợ chồng anh **K**, chị **H1** đã cho anh **B** vay tiền cụ thể như sau: Tháng 7 năm 2023 anh **K** chị **H1** có cho anh **Đỗ Quý B** vay số tiền là 682.000.000đ. Hai bên có viết Giấy biên nhận tiền vào ngày 30 tháng 7 năm 2023. Thời hạn vay là không xác định thời hạn hai bên thống nhất khi nào có nhu cầu lấy nợ thì anh **K**, chị **H1** sẽ thông báo cho anh **B** trước một thời gian. Hai bên không thỏa thuận về việc trả lãi cho nhau. Quá trình vay do có nhu cầu lấy lại tiền để giải quyết công việc gia đình

nên anh **K**, chị **H1** cũng đã nhiều lần yêu cầu anh **B** trả nợ cho anh chị nhưng anh **B** vẫn không trả được khoản tiền gốc nào.

Nay anh **K**, chị **H1** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Đỗ Quý Ba** phải có trách nhiệm trả nợ ngay khoản tiền trên cho anh chị khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh **K**, chị **H1** yêu cầu trả toàn bộ số tiền gốc và không yêu cầu anh **B** trả lãi đối với khoản nợ trên.

Trong bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ bị đơn là anh **Đỗ Quý B** trình bày: Anh có quan hệ họ hàng anh em với anh **K**, chị **H1**. Anh có nhu cầu tiền vốn để làm ăn phát triển kinh tế nên năm 2022 anh có vay của anh **K**, chị **H1** số tiền gốc là 500.000.000đ. Quá trình vay nợ hai bên bản thân anh cũng đã trả cho anh **K**, chị **H1** khoản tiền lãi là khoảng 200.000.000đ. Số nợ gốc và lãi còn lại chị **H1** anh **K** đã cộng lại và yêu cầu anh ký xác nhận nợ. Do điều kiện kinh tế làm ăn khó khăn anh không thể có điều kiện trả luôn cho anh **K**, chị **H1**. Anh đưa ra quan điểm từ nay đến hết năm 2024 anh sẽ thu xếp và trả dần cho anh **K**, chị **H1** 500.000.000đ tiền gốc. Khoản còn lại là tiền lãi anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh **K** chị **H1** vào năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 280, 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1**, buộc bà anh **Đỗ Quý Ba P** có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** số tiền là 682.000.000đ (Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng)

3. Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** được chấp nhận nên anh **K**, chị **H1** không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Đỗ Quý B** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** khởi kiện anh **Đỗ Quý B** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh **Đỗ Quý B** có nơi cư trú tại: **Xóm I, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh **Đỗ Quý B**, anh **B** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp và những vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định: Do có quan hệ là họ hàng nên anh **K**, chị **H1** có cho anh **Đỗ Quý B** vay số tiền là 682.000.000đ. Quá trình vay nợ hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền với nhau về khoản tiền nợ có chữ ký của bên vay tiền và bên cho vay tiền nhưng không thỏa thuận với nhau thời gian trả nợ, không thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi. Giấy biên nhận vay tiền anh **K**, chị **H1** đã cung cấp và giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện K. Mặt khác qua phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai bên thừa nhận và thống nhất đồng thời chốt số nợ với nhau anh **B** có nợ anh **K**, chị **H1** số tiền nợ là 682.000.000đ. Như vậy đây là những tình tiết, sự kiện của vụ án mà các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Về phương thức thanh toán và thời gian trả nợ: Quá trình giải quyết tại Tòa án các đương sự không thống nhất được phương thức thanh toán và thời gian trả nợ.

Do vậy nay vợ chồng anh **K** chị **H1** yêu cầu anh **Ba P** có trách nhiệm trả nợ ngay cho vợ chồng anh **K**, chị **H1** số tiền nợ là 682.000.000đ và anh **K**, chị **H1** không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền trên. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của khởi kiện của anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** được chấp nhận nên anh **K**, chị **H1** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh **Đỗ Quý B** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 280, 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1**, buộc anh **Đỗ Quý Ba P** có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** số tiền là 682.000.000đ (*Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh **Trần Văn K** và chị **Phạm Thị H1** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.600.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002278 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh **Đỗ Quý B** phải nộp 31.280.000đ (*Ba mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 9 năm 2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh**